TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 892/2019/QĐST- HNGĐ	*Dĩ An, ngày 25 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1204/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; thường trú: 3/28A khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh B.

- Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1993; thường trú: 3/28A khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh B; tạm trú: 2/20, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 17 tháng 12 năm 2019.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 17 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Tuấn V thuận tình ly hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố B, tỉnh B cấp ngày 01/8/2013).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị P đồng ý giao 02 con chung là cháu Phạm Phước D, sinh ngày 05/12/2013 và Phạm Ngọc Khánh V, sinh ngày 26/12/2017 cho anh Phạm Tuấn V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phước D mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và cháu Phạm Ngọc Khánh V mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/02 con chung. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Phạm Phước D và Phạm Ngọc Khánh V đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Tuấn V có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày anh Phạm Tuấn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì chị Nguyễn Thị P còn phải thanh toán cho anh Phạm Tuấn V tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Tuấn V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Tuấn V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Tuấn V chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0039833 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- UBND phường 2, thành phố B, tỉnh B;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thụy